

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-6-2020

Về việc “Tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Hải.

Ông Trần Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị P sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện N, tỉnh C.

- Bị đơn: Anh Trương Văn S, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị P trình bày:** Chị và anh Trương Văn S chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau hay xảy ra cự cãi, bất đồng quan điểm, anh S thường xuyên nhậu nhẹt nên hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2019 đến nay. Mặc dù, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng

không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn S.

Về nuôi con chung: Chị và anh S có 02 người con chung gồm

1/ Trương Như Q, sinh ngày 12/10/2000.

2/ Trương Tường D, sinh ngày 15/01/2010.

Đối với Trương Như Q hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét, Trương Tường D hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn yêu cầu được nuôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về chia tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trương Văn S trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị P chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cự cãi, cũng có đi nhậu và đôi lúc nóng giận thì cũng có đánh đập chị P vài lần. Nay chị P yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về nuôi con chung: Anh và chị P có 02 người con chung gồm

1/ Trương Như Q, sinh ngày 12/10/2000.

2/ Trương Tường D, sinh ngày 15/01/2010.

Đối với Trương Như Q hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét, Trương Tường D hiện đang sống với chị P. Sau khi ly hôn con có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn S địa chỉ cư trú: Ấp S, xã V, huyện N, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Lê Thị P và anh Trương Văn S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, không đăng ký theo quy định pháp luật nên hôn nhân giữa chị P và anh S là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Do đó, không công nhận chị Lê Thị P và anh Trương Văn S là vợ chồng.

Về con chung: Chị Lê Thị P và anh Trương Văn S có 02 người con chung tên Trương Như Q, sinh ngày 12/10/2000 và Trương Tường D, sinh ngày 15/01/2010. Chị P và anh S xác định con chung tên Trương Tường Duy có nguyện ở với ai thì người đó nuôi. Đồng thời, tại đơn nguyện vọng ngày 16/3/2020 con chung tên Trương Tường D có nguyện vọng được ở với chị Lê Thị P nên tiếp tục giao người con chung tên Trương Tường D cho chị P trực tiếp nuôi là phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Đối với người con chung tên Trương Như Q, sinh ngày 12/10/2000 đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, chị P và anh S không yêu cầu nên không xem xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Lê Thị P không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng. Ngày 24 tháng 02 năm 2020, chị P đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006068 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm chị Lê Thị P và anh Trương Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị P và ông Trương Văn S là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trương Tường D, sinh ngày 15/01/2010 cho bà Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trương Văn S không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này nhưng anh S không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chắc sóc, nuôi dưỡng con của chị P.

Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng. Ngày 24 tháng 02 năm 2020, bà P đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006068 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm chị Lê Thị P, anh Trương Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nghi